

**BÁO CÁO**

**Công khai tình hình thực hiện dự toán  
ngân sách nhà nước 09 tháng đầu năm 2019**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu (*chi tiết tại các Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm*) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của tỉnh Đắk Nông 09 tháng đầu năm 2019, cụ thể như sau:

**I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:**

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 09 tháng đầu năm 2019 là 1.942.660 triệu đồng, đạt 82% dự toán giao, tăng 8% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 1.800.562 triệu đồng, đạt 83% dự toán, tăng 8% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Một số khoản thu tăng cao so với cùng kỳ năm trước, vượt tiến độ thực hiện so với dự toán giao đầu năm, cụ thể như: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý 521.400 triệu đồng, đạt 106% dự toán, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước; Tiền thuê đất, thuê mặt nước 51.259 triệu đồng, đạt 256% dự toán, tăng 358% so với cùng kỳ năm trước; Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 81.647 triệu đồng, đạt 119% dự toán, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước.

- Một số khoản thu không đạt tiến độ theo dự toán giao, như: Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh 309.351 triệu đồng, đạt 50% dự toán, giảm 18% so với cùng kỳ năm trước; Thuế bảo vệ môi trường 99.163 triệu đồng, đạt 64% dự toán; Lệ phí trước bạ 81.650 triệu đồng, đạt 68% dự toán.

2. Thu xuất nhập khẩu 134.147 triệu đồng, đạt 68% so với dự toán, tăng 5% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

3. Thu huy động đóng góp là 7.951 triệu đồng, tăng 28% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

\* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn 09 tháng đầu năm 2019 tương đối khả quan, đa số các khoản thu đều vượt tiến độ so với dự toán và thực hiện cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến số thu tăng cao là do tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tương đối thuận lợi. Mặt khác, việc kê khai thuế GTGT bổ sung năm 2017 và 2018 của Công ty nhôm Đắk Nông là 116.000 triệu đồng (đây là khoản thu phát sinh một lần ngoài dự toán); Thuế nhà thầu phát sinh ngoài dự toán của Dự án Điện mặt trời tại Cư Jút và Công ty O.Lam Việt Nam với tổng số tiền 42.514 triệu đồng.

## II. Chi ngân sách địa phương (NSDP):

Tổng chi NSDP thực hiện 09 tháng đầu năm 2019 là 4.488.471 triệu đồng, đạt 69% dự toán, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước (Chi tiết như Biểu số 61/CK-NSNN), bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển 1.528.500 triệu đồng. Trong đó, giải ngân các khoản chi đầu tư phát triển từ nguồn kế hoạch vốn giao đầu năm 2019 của ngân sách cấp tỉnh là 785.000 triệu đồng, đạt 43% dự toán.

2. Chi thường xuyên 2.959.971 triệu đồng, đạt 64% dự toán, tăng 4% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Chi tiết một số lĩnh vực chi cơ bản như sau: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 1.259.369 triệu đồng, đạt 69% dự toán, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước; chi khoa học và công nghệ là 10.232 triệu đồng, đạt 81% dự toán, bằng 65% so với cùng kỳ năm trước; chi bảo vệ môi trường là 32.505 triệu đồng, đạt 78% dự toán.

\* Nhìn chung, chi ngân sách địa phương 09 tháng đầu năm 2019 được phân bổ đảm bảo thời gian theo quy định; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi thường xuyên; đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương và giải quyết các vấn đề cần thiết, cấp bách. Tuy nhiên, chi đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm giải ngân, nguyên nhân là do năng lực của chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị tư vấn còn yếu kém; công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án, vấn đề đền bù giải phóng mặt bằng, đấu thầu và triển khai các hợp đồng còn gặp nhiều vướng mắc, dẫn đến chưa đủ điều kiện để thanh toán vốn theo quy định.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 09 tháng đầu năm 2019 của Tỉnh Đắk Nông./.

### Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (TT).



Nguyễn Bốn

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**  
(Kèm theo Báo cáo số 525/BC-UBND ngày 10/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Thực hiện 09 tháng	Cùng kỳ năm trước	So sánh thực hiện với (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	3	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>6.444.820</b>	<b>4.779.378</b>	<b>4.370.325</b>	<b>74</b>	<b>109</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSDP</b>	<b>1.967.948</b>	<b>1.808.513</b>	<b>1.668.876</b>	<b>92</b>	<b>108</b>
1	Thu nội địa	1.967.948	1.800.562	1.662.654	91	108
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
<b>II</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>	<b>-</b>	<b>7.951</b>	<b>6.222</b>		<b>128</b>
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>-</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>V</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		<b>18.046</b>	<b>12.142</b>		<b>149</b>
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.476.872</b>	<b>2.944.868</b>	<b>2.683.085</b>	<b>66</b>	<b>110</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>6.489.097</b>	<b>4.488.471</b>	<b>3.910.197</b>	<b>69</b>	<b>115</b>
1	Chi đầu tư phát triển	1.733.130	1.528.500	1.075.325	88	142
2	Chi thường xuyên	4.598.933	2.959.971	2.833.872	64	104
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.500			-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	-	1.000	-	-
5	Dự phòng ngân sách	101.770	-		-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	51.764			-	
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	<b>44.277</b>	<b>44.277</b>	<b>89.523</b>	<b>100</b>	<b>49</b>
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>48.723</b>	<b>48.723</b>		<b>100</b>	



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**  
(Kèm theo Báo cáo số 525/BC-UBND ngày 10/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2019 TW giao	Dự toán 2019 ĐP giao	Thực hiện 09 tháng	Cùng kỳ năm trước	So sánh thực hiện với (%)		
						Dự toán TW	Dự toán ĐP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>2.358.500</b>	<b>2.358.500</b>	<b>1.942.660</b>	<b>1.796.133</b>	<b>82</b>	<b>82</b>	<b>108</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.162.000</b>	<b>2.162.000</b>	<b>1.800.562</b>	<b>1.662.654</b>	<b>83</b>	<b>83</b>	<b>108</b>
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	491.000	491.000	521.400	397.247	106	106	131
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	42.000	42.000	24.881	31.511	59	59	79
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	40.000	40.000	57.542	67.111	144	144	86
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	617.000	617.000	309.351	377.056	50	50	82
5	Thuế thu nhập cá nhân	145.000	145.000	104.517	100.867	72	72	104
6	Thuế bảo vệ môi trường	156.000	156.000	99.163	72.769	64	64	136
7	Lệ phí trước bạ	120.000	120.000	81.650	82.001	68	68	100
8	Các loại phí, lệ phí	125.000	125.000	126.475	111.310	101	101	114
9	Các khoản thu về nhà, đất	260.600	260.600	263.099	261.375	101	101	101
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	153	44			348
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	100	198	182	198	198	109
-	Thu tiền sử dụng đất	240.000	240.000	211.489	249.958	88	88	85
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20.000	20.000	51.259	11.191	256	256	458
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN	500	500	-	-	-	-	-
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	68.400	68.400	81.647	70.687	119	119	116
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	2.000	222	5.817	11	11	4
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	20.000	20.000	18.162	14.708	91	91	123
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-	-	-	-			
14	Thu khác ngân sách	75.000	75.000	112.453	70.195	150	150	160
<b>II</b>	<b>Thu từ đầu thô</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>196.500</b>	<b>196.500</b>	<b>134.147</b>	<b>127.257</b>	<b>68</b>	<b>68</b>	<b>105</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	63.500	63.500	51.956		82	82	
2	Thuế xuất khẩu	132.500	132.500	82.022		62	62	
3	Thuế nhập khẩu	500	500	165		33	33	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu							
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu							
6	Thu khác			4				
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.951</b>	<b>6.222</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>128</b>
<b>V</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>1.967.948</b>	<b>1.967.948</b>	<b>1.800.562</b>	<b>1.662.654</b>	<b>91</b>	<b>91</b>	<b>108</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	964.500	964.500	794.954	667.063	82	82	119
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.003.448	1.003.448	1.005.608	995.591	100	100	101



**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 09 THÁNG NĂM 2019**  
(Kèm theo Báo cáo số **525**/BC-UBND ngày **10**/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Thực hiện 09 tháng	Cùng kỳ năm trước	So sánh thực hiện với (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	3	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>6.489.097</b>	<b>4.488.471</b>	<b>3.910.197</b>	<b>69</b>	<b>115</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>1.733.130</b>	<b>1.528.500</b>	<b>1.075.325</b>	<b>88</b>	<b>142</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.669.130	1.528.500	1.075.325	92	142
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật					
3	Chi đầu tư phát triển khác	64.000	-	-	-	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.598.933</b>	<b>2.959.971</b>	<b>2.833.872</b>	<b>64</b>	<b>104</b>
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.826.660	1.259.369	1.124.980	69	112
2	Chi khoa học và công nghệ	12.710	10.232	15.859	81	65
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		391.742	351.548		111
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		52.824	42.146		125
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		29.455	23.613		125
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		8.474	7.387		115
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	41.428	32.505	24.064	78	135
8	Chi sự nghiệp kinh tế		282.010	201.206		140
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		652.517	632.321		103
10	Chi bảo đảm xã hội		85.593	81.858		105
<b>III</b>	<b>Chi trả lãi các khoản vay</b>	<b>2.500</b>			-	
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn thực hiện CCTL</b>	<b>51.764</b>			-	
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>		<b>1.000</b>	-	-
<b>VI</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>101.770</b>			-	

